

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HSST

Ngày: 15-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Ân,
2. Bà Nguyễn Thị Khuyên,
3. Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc -Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Xuân Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/HSST-QĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Lầu Thị D (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm:1983, tại huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; con ông: Lầu Trông D - Sinh năm: 1941 và bà: Vừ Thị L (Đã chết); có chồng: Vừ A P Sinh năm: 1982 (Đang chấp hành án tại Trại giam T, Tổng Cục VIII, Bộ Công an) và 05 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam ngày 07/9/2017, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lầu Thị D: Ông Nguyễn Quang K, Luật sư cộng tác viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông cho bị cáo Lầu Thị D: Ông Thào A S - Sinh năm 1985. Trú tại: Tổ dân phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 06/9/2017, Lầu Thị D đang ở bến xe khách tỉnh Điện Biên thì nhận được điện thoại của Ly A C, C bảo D quay về xã M, huyện Đ giúp C vận chuyển hêrôin cho một người đàn ông ở xã F, huyện Đ, C sẽ trả công cho D 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), D đồng ý. Sáng ngày 07/9/2017, D đón xe khách về xã M, huyện Đ, khi đi đến khu vực bản P, xã N, D gặp C đang đứng bên lề đường, tại đây C đưa cho D 01 gói nilon màu đen đựng hêrôin. D giấu gói hêrôin vào áo ngực đang mặc và đứng ở cạnh đường đón xe khách đi ra cầu F, C đi về hướng xã N. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, do không đón được xe khách, D gọi điện thoại cho Sùng A T nhờ T dùng xe máy chở D từ bản P ra Điện Biên có việc, T nhận lời. Trước khi đi, D không nói cho T biết việc D đang tàng trữ, vận chuyển ma túy trên người. Khi đi đến khu vực bản H, xã F, huyện Đ, Lầu Thị D bị tổ công tác Phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên và Đồn biên phòng M phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng (BL 01- 04 và 52 - 71).

Ngày 13/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiến hành cân xác định trọng lượng, xác định trọng lượng ma túy thu giữ của Lầu Thị D là 167,50 gam.

Tại Kết luận giám định số 750/GĐ-PC54 ngày 20/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định được trích ra từ vật chứng thu giữ của Lầu Thị D là chất ma túy: Loại Hêrôin (BL 37 - 43).

Tại bản cáo trạng số 77/QĐ-VKS-P1 ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên quyết định truy tố bị cáo Lầu Thị D về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về phần tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Lầu Thị D phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo 20 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự về xử lý vật chứng.

Về án phí hình sự, do bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lầu Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và kết luận của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lầu Thị D: Không tranh luận gì về phần tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng và bản luận tội của kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS và điều kiện sinh sống cũng như hoàn cảnh gia đình, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lầu Thị D khai nhận: Do có quen biết đối tượng tên là Ly A C và được C thuê vận chuyển ma túy từ xã N, huyện Đ đến khu vực xã F, huyện Đ với giá 5.000.000 đồng/01 gói (167,50 gam hêrôin). D đã đồng ý và nhờ Sùng A T trú tại bản A, xã P, huyện Đ chở D từ xã N về Điện Biên nhưng D không nói cho T biết là mình đang mang theo hêrôin. Hồi 10 giờ ngày 07/9/2017 khi D và T đi đến khu vực bản H, xã F, huyện Đ thì bị bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lầu Thị D đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi vận chuyển trái phép 167,50 gam hêrôin của bị cáo Lầu Thị D vi phạm tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Lầu Thị D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự được coi là nhân thân tốt, bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo Lầu Thị D chỉ vì muốn có số tiền 5.000.000 đồng nên đã tham gia vận chuyển trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp chính bị cáo làm nương, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đối với số ma túy đã thu giữ của bị cáo cần bị tịch thu tiêu hủy, đối với chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do bị cáo đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTG ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong vụ án còn có đối tượng Ly A C theo bị cáo khai là người đã thuê bị cáo vận chuyển trái phép chất ma túy, song hiện đối tượng Ly A C không có mặt tại địa phương, hiện cơ quan điều tra, truy tố chưa đặt vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết. Còn Sùng A T là người đã đi cùng bị cáo nhưng T không biết D mang theo ma túy nên không đặt vấn đề xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lầu Thị D phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lầu Thị D **20 (Hai mươi)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2017.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* *Tịch thu tiêu hủy*: Toàn bộ số hêrôin có trong vụ án có tổng trọng lượng 167,50 gam, đã trích mẫu gửi giám định 4,64 gam, còn lại 162,86 gam.

* *Tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước tài sản của bị cáo Lầu Thị D dùng vào việc phạm tội gồm*: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu G; Màu đỏ - đen, đã cũ qua sử dụng.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 14/11/2017 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/12/2017).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn

